

Số: 14 /2019/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2224/TTr-SGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 272/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh



ban hành quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa
bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Bộ GTVT, VP.Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Như điều 2;
- Trung tâm công báo, Website tỉnh;
- LĐVP, TH; CV;
- Lưu: VT. 7/39

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm



QUY ĐỊNH

**Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy đổi tính từ tim đường trở ra mỗi bên: Để thuận tiện cho việc quản lý phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý cấp phép xây dựng, thống nhất quy đổi việc xác định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thay vì tính từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào, hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, được quy đổi tính từ tim đường trở ra hai bên, mỗi bên một khoảng cách bằng một phần hai bề rộng nền đường + bề rộng mương dọc + bề rộng phần bảo vệ, bảo trì + bề rộng hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với tuyến đường đó.

Điều 4. Phân cấp kỹ thuật đường ô tô theo chức năng của đường và lưu lượng thiết kế

Thực hiện theo quy định tại bảng 3 – Bảng phân cấp kỹ thuật đường ô tô theo chức năng của đường và lưu lượng thiết kế của Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô - TCVN4054:2005.

**Chương II
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 5. Phạm vi đất dành cho đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số



100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 6. Giới hạn hành lang an toàn đối với đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 7. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh

1. Các tuyến theo quy hoạch là đường cấp II: Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với từng tuyến, tính từ tim đường trở ra hai bên, mỗi bên một khoảng cách như sau:

a) Quốc lộ 13:

- Đoạn từ cầu Vĩnh Bình (Km0+000) đến ngã 3 dài Vệ tinh mặt đất (Km28+000): 32 m.

- Đoạn từ ngã 3 dài Vệ tinh mặt đất (Km28+000) đến cầu Tham Rót (giáp tỉnh Bình Phước): 31m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

b) Quốc lộ 1K: đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương: 27m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

c) ĐT.741: Đoạn từ ngã tư Sở Sao đến ranh giới giữa tỉnh Bình Dương với tỉnh Bình Phước: 27m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

d) ĐT.743:

- ĐT.743a: Đoạn từ ngã tư chợ Đình đến ngã 3 Bình Thung (Km21+660): 27m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

- ĐT.743b: Đoạn từ ngã ba Vườn Tràm đến khu công nghiệp Sóng Thần: 27m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

2. Các tuyến theo quy hoạch là đường cấp III, IV: Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tính từ tim đường trở ra hai bên, mỗi bên một khoảng cách như sau:

a) ĐT.742: Từ ngã ba Sao Quỳ (giáp Quốc lộ 13) đến giáp ĐT.747a gần ngã ba Cống Xanh: 21m

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

b) ĐT.743:

- ĐT.743a: Đoạn từ ngã 3 Bình Thung (Km21+660) đến cầu Tân Vạn (Km26+750): 21m.

- ĐT.743c: Từ cầu Ông Bó (Km0+000) đến ngã ba Đông Tân (Km4+670): 21m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

c) ĐT.744: Đoạn từ ngã 3 Suối Giữa đến ngã 3 Minh Hòa: 21m (Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt) và đoạn qua xã Thanh An trùng với phạm vi bảo vệ tuyến kênh Bắc, thuộc hệ thống thủy lợi Cần Nôm (đoạn từ Km0+000 đến Km0+500), giới hạn hành lang an toàn đường bộ từ tim đường ra 21m, trừ phạm vi bảo vệ tuyến kênh Bắc theo quy định hiện hành).

d) ĐT.746:

- Từ ngã 3 Bình Quới đến ngã 3 Bình Hóa và từ ngã 3 Mùa Muộn qua Tân Định, Tân Thành, đến Hội Nghĩa giáp ĐT.747a: 21m

- Đoạn đường dẫn vào cầu Thủ Biên: 21m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

e) ĐT.747a: Từ cầu Ông Tiếp đến cầu Rạch Tre và từ dốc Bà Nghĩa đến ngã 3 Cống Xanh: 21m (Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định

ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)).

g) ĐT.747b: Từ ngã ba Tân Ba đến ngã tư Miếu Ông Cù (Tỉnh lộ 11 cũ) và từ ngã tư Miếu Ông Cù đến Hội Nghĩa giáp ĐT.747a: 21m. (Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

h) ĐT.748: Từ ngã 4 Phú Thứ đến ngã 3 Giáng Hương: 21m.

i) ĐT.749a: Từ cầu Quan đến ngã 3 Minh Thạnh: 21m (Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

k) ĐT.749b: Từ cầu Bà Và đến lòng hồ Dầu Tiếng: 21m.

l) ĐT.749c: Đoạn từ giao lộ với Quốc lộ 13 đến giao với ĐT.749a (Ngã 3 Suối Đồn Gánh): 21m.

(Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

m) ĐT.749d: Đoạn từ ĐT.749a (Ngã 3 Long Tân) đến ĐT.744 (Ngã 3 chú Thai): 21m.

n) ĐT.750: Từ ngã 4 Bến Trám (giáp ĐT.741) qua Tân Long, Trừ Văn Thố, Cây Trường, cầu Thị Tính, đến cầu Tàu huyện Dầu Tiếng: 21m (Riêng các đoạn đi qua đô thị các huyện, thị xã, thành phố, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền. Trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt).

o) ĐT.741b: Đoạn từ ngã 3 Bồ Lá đến giao với Quốc lộ 13: 16m.

(Kèm theo Phụ lục Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương).

Điều 8. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường huyện, đường xã.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp Sở Giao thông vận tải, căn cứ cấp đường quy hoạch của từng tuyến đường (theo Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội mỗi huyện, thị xã, thành phố, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho từng tuyến đường huyện, đường xã.

Điều 9. Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 10. Giới hạn hành lang an toàn đối với hầm đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 11. Giới hạn hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 12. Giới hạn hành lang an toàn đối với kè bảo vệ đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ theo phân cấp

1. Phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm và sử dụng trái phép công trình giao thông và hành lang an toàn giao thông đường bộ. Đồng thời phải có trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

2. Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải thực hiện đúng quy trình xử lý vi phạm theo quy định. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình, chủ sử dụng phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình, chủ sử dụng không tự giác thực hiện, Đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị UBND có thẩm quyền xử lý theo quy định của Pháp luật.

3. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo Cơ quan quản lý đường bộ về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trước ngày 5 của tháng tiếp theo.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, tổ chức hướng dẫn các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường tỉnh, quốc lộ.

4. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Công an tỉnh chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý đường bộ trong xử lý, cưỡng chế, giải tỏa các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Đối với các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng bám ven các quốc lộ uỷ thác, đường tỉnh trước khi phê duyệt phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ, kinh phí tổ chức giải tỏa vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch, xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tham mưu với cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc xoá bỏ theo quy hoạch hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thương mại khác theo thẩm quyền.

6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng công trình viễn thông tuân thủ Quy định này.

7. Đài Phát thanh và truyền hình Bình Dương, Báo Bình Dương; Đài truyền thanh ở xã, phường thị trấn dành thời lượng đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền Quy định này.

8. Các sở, ban ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện; Phối hợp Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các tổ chức cá nhân tuân thủ Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác.

3. Thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại địa phương theo quy định của pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ đường bộ theo thẩm quyền.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giáo dục nhân dân các quy định về khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường quản lý theo đúng quy định hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Chỉ đạo các lực lượng thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường thuộc địa bàn. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

3. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

Điều 18. Trách nhiệm của các Doanh nghiệp BOT các công trình giao thông

1. Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường quản lý, phối hợp với Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi

lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường quản lý.

2. Phối hợp với địa phương và các đơn vị chức năng tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác có liên quan

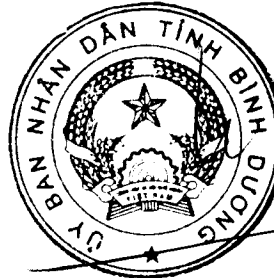
1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tới các hội viên, đoàn viên.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm



Phụ lục

PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ ĐƯỜNG TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp đường theo quy hoạch được duyệt	Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (mét)	Hành lang an toàn (mét)	Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy đổi về tim (mét)
I. ĐƯỜNG TW						
Quốc lộ 13						
Đoạn 1	Cầu Vĩnh Bình	Ngã 3 dải vệ tinh mặt đất	II	3	17	32
Đoạn 2	Ngã 3 dải vệ tinh mặt đất	Cầu Tham Rót	II	3	17	31
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
Quốc lộ 1K	Ranh thành phố Hồ Chí Minh	Ranh tỉnh Đồng Nai	II	3	17	27
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
II. ĐƯỜNG TỈNH						
ĐT.741	Ngã 4 Sò Sao	Bàu Tru (ranh tỉnh Bình Dương với tỉnh Bình Phước)	II	3	17	27
ĐT.742	Ngã 3 Sao Quỳ (giáp QL13)	Giáp ĐT.747a	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.743a						
Đoạn 1	Ngã 4 Chợ Đình	Ngã 3 Bình Thung	II	3	17	27

Đoạn 2	Ngã 3 Bình Thung	Ngã 3 Vạn	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.743b	Ngã 3 vườn Tràm	KCN Sóng Thần (giáp đường Độc Lập)	II	3	17	27
ĐT.743c	Cầu Ông Bó (Km0+000)	Ngã 3 Đông Tân (Km4+670)	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.744						
Đoạn	Ngã 3 Suối Giữa (giáp QL13)	Ngã 3 Minh Hòa	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.746						
Đoạn 1	Ngã 3 Bình Quới (giáp ĐT.743 a)	Ngã 3 Bình Hóa (giáp ĐT.747a)	III	2	13	21
Đoạn 2	Ngã 3 Mùa Muộn	Hiếu Liêm	III	2	13	21
Đoạn 3	Hiếu Liêm	Hội Nghĩa (giáp ĐT.747a)	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.747a						
Đoạn 1	Cầu Ông Tiếp	Cầu Rạch Tre	III	2	13	21
Đoạn 2	Dốc Bà Nghĩa	Ngã 3 Cổng Xanh (giáp ĐT.741)	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.747b						



Đoạn 1	Ngã 3 Tân Ba	Ngã 4 Miếu Ông Cù	III	2	13	21
Đoạn 2	Ngã 4 Miếu Ông Cù	Hội Nghĩa (giáp ĐT.747a)	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.748	Ngã 4 Phú Thứ	Ngã 3 Giáng Hương	III	2	13	21
ĐT.749a	Cầu Quan	Ngã 3 Minh Thạnh	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.749b	Cầu Bà Và	Lòng hồ Dầu Tiếng	III	2	13	21
ĐT.750	Ngã tư Bến Trám	Cầu Tàu Dầu Tiếng	III	2	13	21
<i>Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quyết định ban hành quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của cấp thẩm quyền (trường hợp không có thì theo quy hoạch đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt)</i>						
ĐT.741b	Quốc lộ 13	Ngã 3 Bồ Lá	IV	1	9	16
ĐT.749c	Quốc lộ 13	ĐT.749a (Ngã 3 suối Đòn Gánh)	III	2	13	21
<i>Riêng đoạn qua Khu công nghiệp Bàu Bàng, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ được xác định theo quy hoạch khu công nghiệp Bàu Bàng</i>						
ĐT.749d	ĐT.749a (Ngã 3 Long Tân)	ĐT.744 (Ngã 3 chú Thai)	III	2	13	21